TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **07**/2023/QĐST-DS	*N, ngày 23 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 275; Điều 280; Điều 357; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Điểm b, tiểu mục 1.3, mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 16/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963

Ông Mai Văn L, sinh năm 1959

Cùng địa chỉ: Thôn Lộc T, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Văn L là bà Nguyễn Thị M (đồng nguyên đơn).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn G (nay là thôn G1), xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tổng số nợ: Tính đến ngày 15/11/2023, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị A thỏa thuận bà Nguyễn Thị A còn nợ bà Nguyễn Thị M số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

2.2. Về thời gian và cách thức trả nợ: Bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị A thống nhất thỏa thuận bà A có nghĩa vụ trả số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) cho bà M thành 02 kỳ, cụ thể như sau:

+ Kỳ 1: Chậm nhất đến ngày 31/12/2023, bà A có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng);

+ Kỳ 2: Chậm nhất đến ngày 01/6/2024, bà A có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền còn lại là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thực hiện theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.3. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và bị đơn bà Nguyễn Thị A thỏa thuận bà A có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm của vụ án là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Trả lại cho bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0006923 ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thoả thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án. *(LL)*.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Xuân Tuyên